

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên gói thầu: Mua gạo và thực phẩm phục vụ nấu ăn cho Chiến sĩ
- Thuộc dự toán: Mua gạo và thực phẩm phục vụ nấu ăn cho Chiến sĩ
- Chủ đầu tư: Trại Tạm Giam T17.
- Địa điểm thực hiện: Ấp 5, Xã Nhuận Đức, TP. Hồ Chí Minh
- Thời gian thực hiện gói thầu: 12 tháng
- Nguồn vốn: Ngân sách chi thường xuyên năm 2026
- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh, qua mạng.
- Phương thức đấu thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.
- Phạm vi công việc của gói thầu: Theo phạm vi cung cấp.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

1.2.1 Yêu cầu về kỹ thuật chung

- Hàng hóa Phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng; Đảm bảo truy xuất được nguồn gốc hàng hóa bằng điện thoại hoặc các thiết bị chuyên dụng; có đầy đủ hợp đồng nguyên tắc với các đơn vị sản xuất/Đại lý/Nhà phân phối;

- Hàng hóa còn mới 100% và còn hạn sử dụng;

- Nhà thầu phải mô tả thông số kỹ thuật đầy đủ của sản phẩm dự thầu và đính kèm đầy đủ tài liệu kỹ thuật; bản công bố chất lượng sản phẩm đối với các sản phẩm phải công bố theo quy định của pháp luật để chứng minh phù hợp với thông số kê khai;

- Đảm bảo an toàn, vệ sinh thực phẩm;

- Không tồn tại các chất bảo quản, hóa chất vượt ngưỡng cho phép; Đính kèm đầy đủ giấy tờ chứng minh theo quy định của pháp luật;

- Đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật tương ứng, tuân thủ quy định về giới hạn vi sinh vật gây bệnh, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, dư lượng thuốc thú y, kim loại nặng, tác nhân gây ô nhiễm và các chất khác trong thực phẩm có thể gây hại đến sức khỏe, tính mạng con người; Đính kèm đầy đủ giấy tờ chứng minh theo quy định của pháp luật;

- Cơ sở kinh doanh phải đảm bảo điều kiện về kinh doanh về vệ sinh an toàn thực phẩm theo nghị định 15/2018/NĐ-CP.

- Nhóm Gạo, Dầu ăn, nước mắm, đường, Gia vị bao bì (chai) đóng sẵn: Trên bao bì (chai) phải đầy đủ các thông tin:

- + Tên hàng hóa
- + Ngày sản xuất
- + Đơn vị sản xuất
- + Hạn sử dụng
- + Trọng lượng, thông số kỹ thuật của sản phẩm
- + Hướng dẫn sử dụng;

1.2.1 Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể

STT	Nhóm Thực phẩm (bánh mì, bánh bao, bột nếp, mì...) sản phẩm đã qua chế biến từ tinh bột	Yêu cầu về kỹ thuật
1	Bánh bao	Bánh nhân thịt 02 trứng cút. Có hộp dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng 200g/cái.
2	Bánh bao đặc biệt	Bánh nhân thịt 02 trứng cút+ 1/2 trứng muối + lạp xường. Có hộp dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng 200g/cái.
3	Bánh bao chay	Bánh nhân chay không nhân. Có hộp dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng 90g/cái.
4	Bánh bao kim sa	Bánh nhân trứng kim sa chảy. Có hộp dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng 100g/cái.
5	Bánh canh bột gạo	Đóng gói 05 kg/túi nilong, hàng mới sản xuất. Có dán tem, nhãn. Nhà sản xuất có giấy ATVSTP. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng
6	Bánh canh bột lọc	Đóng gói 05 kg/túi nilong, hàng mới sản xuất. Có dán tem, nhãn. Nhà sản xuất có giấy ATVSTP. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng
7	Bánh hời	Đóng gói 05 kg/túi nilong; Hàng mới. Không chua, không có mùi thiu, Cọng bánh mới, mềm, màu trắng, không có mùi chua, mùi hôi, không có chất phụ gia. Thời điểm sản xuất: Không quá 06 giờ cho đến khi giao hàng. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng từng túi
8	Bánh ướt	Đóng gói 05 kg/túi nilong; Hàng mới. Không chua, không có mùi thiu, màu trắng, không có mùi chua, mùi hôi, không có chất phụ gia. Thời điểm sản xuất: Không quá 06 giờ cho đến khi giao hàng. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
9	Bánh chưng lớn	Có hút chân không, dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng 1kg/cái
10	Bánh tét lớn	Có hút chân không, dán tem nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng 1kg/cái
11	Bún gạo khô	Bún gạo khô một loại bún được làm từ bột gạo. Khác với bún tươi sử dụng trong ngày, bún gạo khô có thể dùng dần trong một thời gian dài mà không sợ bị hỏng. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng.

STT	Nhóm Thực phẩm (bánh mì, bánh bao, bột nếp, mì...) sản phẩm đã qua chế biến từ tinh bột	Yêu cầu về kỹ thuật
12	Bún tươi	Đóng gói 30 kg/sọt. Có dán tem, nhãn. Nhà sản xuất có giấy ATVSTP. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng
13	Chả lụa chay	Hàng mới. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng 500 gr/gói
14	Đậu hủ chiên bi	Nguyên miếng, không dập nát. Màu trắng ngà, mịn mềm, chiên vàng, sờ tay không bị nhớt không bị chua. Thời gian sản xuất: Không quá 24 giờ kể từ thời điểm sản xuất đến thời điểm giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và số miếng.
15	Đậu hủ chiên lớn	Trọng lượng 125 gr/miếng, nóng. Nguyên miếng, không dập nát. Màu trắng ngà, mịn mềm, chiên vàng, sờ tay không bị nhớt không bị chua. Thời gian sản xuất: Không quá 24 giờ kể từ thời điểm sản xuất đến thời điểm giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và số miếng.
16	Đậu hủ trắng	Trọng lượng 125 gr/miếng, nóng. Nguyên miếng, không dập nát. Màu trắng ngà, mịn mềm, sờ tay không bị nhớt không bị chua. Thời gian sản xuất: Không quá 24 giờ kể từ thời điểm sản xuất đến thời điểm giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và số miếng
17	Hủ tiếu mềm	Đóng gói 05 kg/túi nilong; Hàng mới sản xuất. Có dán tem, nhãn. Nhà sản xuất có giấy ATVSTP. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng
18	Mì quảng	Mì Quảng Khô Choice L (hoặc tương đương) Gói 300G được sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại, quá trình kiểm tra giám sát nghiêm ngặt với thành phần chọn lọc chất lượng, hoàn toàn không sử dụng chất phụ gia, chất bảo quản độc hại, mang đến cho bạn sản phẩm chất lượng an toàn, giúp các bà nội trợ có thể yên tâm chế biến cho gia đình an tâm sử dụng.
19	Nui khô	Đóng gói 10 kg/túi. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng

STT	Nhóm Thực phẩm (bánh mì, bánh bao, bột nếp, mì...) sản phẩm đã qua chế biến từ tinh bột	Yêu cầu về kỹ thuật
20	Viên thả lâu	Hàng mới 80 cây/kg, dai ngon. Nhà sản xuất có giấy ATVSTP, còn tối thiểu 1/3 hạn sử dụng. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng
21	Viên thả lâu nhân phô mai	Hàng mới 80 cây/kg, dai ngon. Nhà sản xuất có giấy ATVSTP, còn tối thiểu 1/3 hạn sử dụng. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng

STT	Nhóm thực phẩm cung cấp tinh bột (Gạo,...)	Yêu cầu về kỹ thuật
1	Gạo tẻ trắng cao cấp	"Gạo hạt có độ dài từ 5 mm đến 7 mm, có hạt màu trắng tự nhiên, màu sắc đều, khi nấu cho cơm trắng, nở, dẻo ít, mềm, ngọt và có mùi thơm lài. Không tẩm ướp hoá chất độc hại, tạo mùi, đạt chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm, đóng gói 50kg/bao, không trấu, không thóc. + Tỷ lệ hạt nguyên (TCVN 11888:2017) $\geq 95\%$; + Cảm quan (côn trùng sống) (TCVN 11888:2017) $\leq$ không phát hiện côn trùng sống; + Độ ẩm (MKL-HH868) $\leq 14\%$; + Tỷ lệ tạp chất (TCVN 11888:2017) $\leq 0,05\%$; + Tỷ lệ hạt hỏng (TCVN 11888:2017) $\leq 0,00$; + Tỷ lệ hạt vàng (TCVN 11888:2017) $\leq 0,2\%$; + Tỷ lệ tấm lớn (TCVN 11888:2017) $< 4\%$; + Tỷ lệ tấm nhỏ (TCVN 11888:2017) $\leq 1\%$; + Cảm quan màu sắc (TCVN 11888:2017): Màu trắng đặc trưng cho sản phẩm, tròn bầu, màu sắc đều; + Cảm quan vị (TCVN 11888:2017) vị ngon đặc trưng cho sản phẩm, có vị ngọt, không có vị lạ; + Tỷ lệ hạt bạc phần (TCVN 11888:2017) $\leq 3\%$; + Cảm quan (Mùi) (TCVN 11888:2017): Mùi thơm đặc trưng cho sản phẩm, không có mùi lạ. * Chất lượng gạo phải đáp ứng các tiêu chuẩn: TCVN 11888:2017 - Gạo. Xác định đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật. Phương pháp sắc ký khí - Quyết định số 09/VBHN-BYT ngày 02 tháng 11 năm 2023: Về việc ban hành "Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm"

STT	Nhóm rau, củ, quả, trái cây các loại	Yêu cầu về kỹ thuật
1	Bắp cải trắng	Loại 1kg/bắp. Hàng tươi, non, không dập úng. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
2	Bắp Mỹ	3 - 4 trái/kg, hàng tươi, ngon, không dập. Thời gian thu hoạch < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng.
3	Bầu sao	2-3 trái/kg. Hàng tươi, không dập úng. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
4	Bí đỏ hồ lô	1-2 trái/kg. Hàng tươi, không dập úng. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
5	Bí xanh	2-3 trái/kg. Hàng tươi non, không dập úng. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
6	Bông cải trắng	Bông cải trắng Đà Lạt (hoặc tương đương) loại 700-900g/bông. Hàng tươi, non, không dập úng. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
7	Bông cải xanh	Bông cải xanh Đà Lạt (hoặc tương đương) loại 400-600g/bông. Hàng tươi, không sâu, không dập, không héo úa, không hư thối. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP
8	Cà chua	Loại 7-10 trái/kg hàng tươi non, không dập úng. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
9	Cà rốt	Loại 5-7 củ/kg hàng tươi, không dập úng. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
10	Cà tím	04 - 06 trái/kg, tươi, ngon, không úng. Thời gian thu hoạch < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng.

STT	Nhóm rau, củ, quả, trái cây các loại	Yêu cầu về kỹ thuật
11	Cải bẹ xanh	Hàng tươi, không dập úng. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
12	Cải chua muối	Không nước ngâm. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
13	Cải ngọt	Hàng tươi, không dập úng. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
14	Cải thảo	Loại 2-3kg/bắp, hàng tươi, non, không dập úng. Thời điểm bảo: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
15	Cải thìa	Hàng tươi, không dập úng. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
16	Cải xá bầu	Hàng tươi, non, không dập úng. Thời điểm bảo: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
17	Cần tàu	Hàng tươi, non, không dập úng. Thời điểm bảo: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
18	Cần tây	Tươi, không sâu, không dập, không héo úa, không hư thối. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
19	Chanh trái	Loại 15-25 trái/kg. Tươi, không dập úng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
20	Chôm chôm	Chôm chôm giống thái (hoặc tương đương), loại 40-50 trái/kg. Thịt quả dày, màu trắng trong, vị ngọt, hạt dễ tách. Hàng tươi Không dập nát, không sâu bệnh, không héo úa, không hôi. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
21	Chuối cau	Loại 1-1,2kg/nải. Tươi, không dập úng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
22	Chuối già	Loại 1,5-2kg/nải. Tươi, không dập úng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng

STT	Nhóm rau, củ, quả, trái cây các loại	Yêu cầu về kỹ thuật
23	Chuối sứ	Loại 1kg-1,5 kg/nải. Tươi, không dập úng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
24	Củ cải trắng	2-3 củ/kg, trái đều, tươi, không dập úng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
25	Củ dền	3-5 củ/kg, trái đều, tươi, không sâu, không dập, không héo úa, không hư thối. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
26	Củ gừng	Tươi, không dập úng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
27	Củ kiệu chua	Củ kiệu ngâm chua ngọt hủ 300g - 400g. Chính hãng, còn hạn sử dụng. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
28	Củ sắn	2-4 củ/kg, tươi, không sâu, không dập, không héo úa, không hư thối. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
29	Đậu bắp	1kg/bịch, hàng tươi, non, không dập úng. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
30	Đậu cove	1kg/bịch, hàng tươi, không dập úng. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
31	Đậu đũa	1kg/bịch, tươi, không dập úng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
32	Đậu phộng rang	Bóc vỏ, hàng mới, không bị mốc. Đóng gói 500gr/túi. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng từng túi
33	Đậu xanh cà có vỏ	Có vỏ, không bị mốc, mọt. Đóng gói 0,5-1 kg/gói. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng từng túi
34	Đậu xanh nguyên hạt	Mới, không sâu, không mọt. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
35	Đủ đủ chín (ruột vàng, đỏ)	Loại 1,5-2kg/trái, tươi ngon, bao ăn, không bị xốp và non, đủ đủ chín (ruột vàng, đỏ), không sâu, không dập, không héo úa, không hư thối. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.

STT	Nhóm rau, củ, quả, trái cây các loại	Yêu cầu về kỹ thuật
36	Đu đủ hương nấu canh	Loại 1-1,5kg. tươi, không sâu, không dập, không héo úa, không hư thối. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
37	Dưa hấu đỏ không hạt	1,5 - 03 kg/trái, tươi, ngon, không úng, không hư, chín đều. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng. Quy cách đóng gói: Sử dụng những loại xốp bọc trái cây chuyên dụng, túi nilong
38	Dưa leo	7-10 trái/kg, trái tươi, non, không dập úng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
39	Dưa lưới vàng	Loại 1,5-2kg/trái. Tươi ngon, bao ăn, không bị xốp và non, không sâu, không dập, không héo úa, không hư thối. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
40	Dừa nạo	Hàng mới, thơm, ngon. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng. Quy cách: 1kg/túi
41	Giá đỗ	Hàng tươi, non, không dập úng. Thời điểm bảo: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
42	Hành lá cắt gốc	Hàng tươi, non, không dập úng. Thời điểm xay: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
43	Hành tây	3-5 củ/kg, tươi, không dập úng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
44	Hạt sen tươi	Tươi, không sâu, không dập, không héo úa, không hư thối. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
45	Hẹ lá	Hàng tươi, non, không dập úng. Thời điểm xay: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
46	Kèo nèo	Hàng tươi, non, không dập úng. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
47	Khổ qua trái	5-6 trái/kg, trái đều, tươi, không hư thối, không lên mầm, không ẩm ướt. Ngày thu hoạch: Không quá 24h cho đến khi giao hàng. đóng gói bao bì thực phẩm sinh học PE hoặc hút chân không PA. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng

STT	Nhóm rau, củ, quả, trái cây các loại	Yêu cầu về kỹ thuật
48	Khoai lang	3-5 củ/kg, trái đều, tươi, không hư thối, không lên mầm, không ẩm ướt. Ngày thu hoạch: Không quá 24h cho đến khi giao hàng. đóng gói bao bì thực phẩm sinh học PE hoặc hút chân không PA. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
49	Khoai mỡ tím	1-1,2kg/củ, hàng tươi ngon, không dập hỏng, Ngày thu hoạch: Không quá 24h cho đến khi giao hàng. đóng gói bao bì thực phẩm sinh học PE hoặc hút chân không PA. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
50	Khoai môn cao	3 củ/kg hàng tươi ngon, không dập hỏng, Ngày thu hoạch: Không quá 24h cho đến khi giao hàng. đóng gói bao bì thực phẩm sinh học PE hoặc hút chân không PA. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
51	Khoai tây	3-5 củ/kg, trái đều, tươi, không hư thối, không lên mầm, không ẩm ướt. Ngày thu hoạch: Không quá 24h cho đến khi giao hàng. đóng gói bao bì thực phẩm sinh học PE hoặc hút chân không PA. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
52	Lá giang	Tươi, không sâu, không dập, không héo úa, không hư thối. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
53	Lê	04 - 05 trái/kg, tươi, ngon, không úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng. Quy cách đóng gói: Sử dụng những loại xốp bọc trái cây chuyên dụng, túi nilong
54	Me chua	Đóng gói 01 kg/túi. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
55	Măng tươi luộc	Tươi, mới luộc trong ngày. Không ngâm hóa chất. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
56	Mồng toi	Hàng tươi, không dập úng. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
57	Mướp hương non	Loại 5 trái/kg. Tươi, không sâu, không dập, không héo úa, không hư thối. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.

STT	Nhóm rau, củ, quả, trái cây các loại	Yêu cầu về kỹ thuật
58	Nấm bào ngư trắng	0,5-1 kg/gói. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
59	Nấm dai	Trắng, 01 kg/bịch. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
60	Nấm đông cô khô	Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
61	Nấm đông cô tươi	Trắng, 01 kg/bịch. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
62	Nấm đùi gà	Tươi đóng 01 kg/bịch. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
63	Nấm kim châm	0,5-1 kg/gói. Ngày thu hoạch: Không quá 24h cho đến khi giao hàng. đóng gói bao bì thực phẩm sinh học PE hoặc hút chân không PA. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
64	Nấm rơm làm sạch	Trắng, 01 kg/bịch. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
65	Nghệ củ	Hàng tươi, không dập úng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
66	Ngò gai	0,3-0,5 kg/bó, hàng tươi, không dập úng. Ngày thu hoạch: Không quá 24h cho đến khi giao hàng. đóng gói bao bì thực phẩm sinh học PE hoặc hút chân không PA. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
67	Ngò rí	0,3-0,5 kg/bó, hàng tươi, không dập úng. Ngày thu hoạch: Không quá 24h cho đến khi giao hàng. đóng gói bao bì thực phẩm sinh học PE hoặc hút chân không PA. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
68	Nhân	Nhân thái hoặc tương đương. Hàng tươi, không dập úng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
69	Nho đỏ	Tươi, ngon, không úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng. Quy cách đóng gói: Sử dụng những loại xốp bọc trái cây chuyên dụng, túi nilong

STT	Nhóm rau, củ, quả, trái cây các loại	Yêu cầu về kỹ thuật
70	Nho tươi không hạt (xanh, đen)	Màu sắc xanh hoặc đen. Hàng nhập khẩu. Hàng tươi, không dập úng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
71	Ớt chuông (xanh, đỏ, vàng)	7-8 trái/kg tươi, không sâu, không dập, không héo úa, không hư thối. Ngày thu hoạch: Không quá 24h cho đến khi giao hàng. đóng gói bao bì thực phẩm sinh học PE hoặc hút chân không PA. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
72	Ớt hiểm xay	Hàng tươi, không dập úng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
73	Ớt trái	80-120 trái/kg, hàng tươi, không dập úng. Ngày thu hoạch: Không quá 24h cho đến khi giao hàng. đóng gói bao bì thực phẩm sinh học PE hoặc hút chân không PA. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
74	Quýt đường	8-10 trái/kg, tươi, không bị dập. Đóng gói bao bì thực phẩm sinh học PE hoặc hút chân không PA Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
75	Quýt tươi	Quýt giống thái (hoặc tương đương), 7-8 trái/kg. Trái có hình cầu, hơi dẹp ở 2 đầu, thuần ngọt, ngọt thanh không có vị chua, vỏ mỏng, màu cam đỏ, có nhiều vết da cam sần sùi trên mặt vỏ, dễ tách múi, hương thơm nhẹ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng. Quy cách đóng gói: Sử dụng những loại xốp bọc trái cây chuyên dụng, túi nilong
76	Rau đắng	Hàng tươi, non, không dập úng. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
77	Rau dền	Hàng tươi, không dập úng. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
78	Rau má cây nhỏ	Hàng tươi, non, không dập úng. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
79	Rau muống bào	Hàng tươi, non, không dập úng. Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng

STT	Nhóm rau, củ, quả, trái cây các loại	Yêu cầu về kỹ thuật
80	Rau muống cọng	Hàng tươi, non, không dập úng. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
81	Rau muống nước	Hàng tươi, non, không dập úng. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
82	Rau ngọt	Hàng tươi, không dập úng. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
83	Rau ôm	Hàng tươi, non, không dập úng. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
84	Rau răm	Hàng tươi, non, không dập úng. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
85	Rau sống các loại	Hàng tươi, non, không dập úng. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói
86	Sả bào	Hàng tươi, Thời điểm bảo: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
87	Sả cây	0,5-1 kg/bó, tươi mới không hư, đóng gói bao bì thực phẩm sinh học PE hoặc hút chân không PA, đóng gói bao bì thực phẩm sinh học PE hoặc hút chân không PA. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
88	Sả lách	Hàng tươi, non, không dập úng. Thời điểm thu hoạch: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
89	Sả lách xoong cọng lớn	Hàng tươi, non, không dập úng. Thời điểm xay: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
90	Sả xay	Hàng tươi, non, không dập úng. Thời điểm xay: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
91	Su hào	2-4 củ/kg, tươi, không hư. Ngày thu hoạch: Không quá 24h cho đến khi giao hàng. đóng gói bao bì thực phẩm sinh học PE hoặc hút chân không PA. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng

STT	Nhóm rau, củ, quả, trái cây các loại	Yêu cầu về kỹ thuật
92	Su su trái	4-5 củ/kg, tươi, không hư. Ngày thu hoạch: Không quá 24h cho đến khi giao hàng. đóng gói bao bì thực phẩm sinh học PE hoặc hút chân không PA. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
93	Susu bào sẵn	Hàng tươi, non, không dập úng. Thời điểm bào: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói
94	Táo Gala	06 - 10 trái/kg, tươi, ngon, không úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng. Quy cách đóng gói: Sử dụng những loại xốp bọc trái cây chuyên dụng, túi nilong
95	Thanh long	3 trái/kg Ruột trắng hoặc đỏ. Tươi, bao ăn, không bị xốp và non, không sâu, không dập, không héo úa, không hư thối. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
96	Thơm trái	1,2-1,5 kg/trái, Ngày thu hoạch: Không quá 24h cho đến khi giao hàng. đóng gói bao bì thực phẩm sinh học PE hoặc hút chân không PA. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
97	Vải thiều	Tươi, ngon, không úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng. Quy cách đóng gói: Sử dụng những loại xốp bọc trái cây chuyên dụng, túi nilong. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
98	Xoài chín	Loại 3 trái/kg, Xoài giống thái (hoặc tương đương) Tươi, không hư thối. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
99	Xoài keo	Loại 3 trái/kg, tươi, không hư thối. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.

STT	Nhóm Gia vị, nguyên liệu các loại	Yêu cầu về kỹ thuật
1	Bơ hộp	Tường An (hoặc tương đương) hộp 800g. Chính hãng, còn hạn sử dụng. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
2	Bột năng	Tấn Sang (hoặc tương đương), đóng gói 400gr/túi. Còn hạn sử dụng, chính hãng. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ

STT	Nhóm Gia vị, nguyên liệu các loại	Yêu cầu về kỹ thuật
3	Bột nêm lẩu chua	100g/gói. Còn hạn sử dụng, chính hãng. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
4	Bột nghệ loại 1	Khô ráo, vàng bóng, Có dán tem, nhãn, ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, đảm bảo VSATTT.
5	Bột ngọt (1kg/bịch)	Ajinomoto (hoặc tương đương) hạt to, 1kg/bịch. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng, thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có giấy công bố sản phẩm. Thành phần: Monosodium Glutamate tinh khiết 99%, chất phụ gia thực phẩm.
6	Chao hũ 390G	Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng 390g/hũ. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
7	Dầu ăn (5lít/can)	5 lít/can. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng, thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có giấy công bố sản phẩm. Thành phần: Dầu thực vật tinh luyện gồm dầu olein, dầu đậu nành tinh luyện, vitamin A.
8	Gia vị bò kho	Đóng gói 25 gr/gói. Còn hạn sử dụng, chính hãng. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ
9	Gia vị bún bò	Đóng gói 25 gr/gói. Còn hạn sử dụng, chính hãng. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ
10	Gia vị bún riêu	1 hộp 75 gam, còn hạn sử dụng. Chính hãng, có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
11	Gia vị lagu	Đóng gói 25 gr/gói. Còn hạn sử dụng, chính hãng. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ
12	Gia vị lẩu	Gia vị lẩu thái, 1 hộp 75 gam. Chính hãng, còn hạn sử dụng. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
13	Gia vị phở	Đóng gói 25 gr/gói. Còn hạn sử dụng, chính hãng. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ
14	Gia vị ướp cà ri	1 gói 80 gam, còn hạn sử dụng. Chính hãng, có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP. .

STT	Nhóm Gia vị, nguyên liệu các loại	Yêu cầu về kỹ thuật
15	Giấm ăn	Dạng nước đóng chai, Đảm bảo VSATTT, Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ
16	Hành đỏ xay	Hành tươi, non, không dập úng. Thời điểm xay: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
17	Hành phi ngon	Thời điểm sản xuất: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
18	Hạt điều màu	Mới, không hư, không mốc. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
19	Mắm linh xay	Mắm loại 1, loại 0,5-1 kg/gói, xay sẵn. Không hư, không mốc. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng từng gói
20	Mắm ruốc	Chính hãng, còn hạn sử dụng. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng từng túi. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP. Mắm loại 1, bịch/kg. Không hư, không mốc. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng từng túi
21	Mắm ruốc 417g	Mắm loại 1, hũ 417g. Không hư, không mốc. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng từng túi. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP
22	Mắm tôm 230g	Mắm tôm trí hải 230g/chai (hoặc tương đương). Chính hãng, còn hạn sử dụng. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng từng túi. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
23	Màu hạt điều	Đóng gói 5 lít/can. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
24	Muối hạt	Đóng gói 01 kg/túi. Sạch, khô, không vón cục. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
25	Muối iot (01kg/bịch)	Đóng gói 01 kg/túi. Sạch, khô, không vón cục. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
26	Muối tiêu thường	Đóng gói 01 kg/túi. Sạch, khô, không vón cục. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
27	Nước mắm	Độ Nhị (hoặc tương đương), đóng chai 900ml. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
28	Nước màu 5 lít	Đóng gói 5 lít/can. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng

STT	Nhóm Gia vị, nguyên liệu các loại	Yêu cầu về kỹ thuật
29	Nước tương	Tam Thái Tử Nhị Ca (hoặc tương đương) đóng gói 500 ml/chai. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
30	Sa tế tôm	90gr/hũ, hàng mới, còn hạn sử dụng 90%, bao bì, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng. Thành phần: Dầu ăn, Ớt, Đường, Tôm khô, Tỏi, Củ riềng, Hành, Muối ăn...
31	Tiêu xay	Đóng bao, thơm ngon không ẩm mốc, Có tem, nhãn thể hiện rõ nguồn gốc xuất xứ sản phẩm
32	Tỏi xay	Hàng tươi, không dập úng. Đóng gói trong túi xốp. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
33	Tương đen	Cholimex (hoặc tương đương), đóng chai 230ML/chai. Còn hạn sử dụng, chính hãng. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ
34	Tương ớt	Cholimex (hoặc tương đương), đóng chai 270ML/chai. Còn hạn sử dụng, chính hãng. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ
35	Đường cát trắng	Đóng gói 50 kg/túi. Đóng gói. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng từng túi.

STT	Nhóm Bánh ngọt, hạt, mứt các loại	Yêu cầu về kỹ thuật
1	Hạt bí	Hạt bí ngô rang còn vỏ. Chính hãng, còn hạn sử dụng. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
2	Hạt dẻ cười	Hạt dẻ cười rang muối. Chính hãng, còn hạn sử dụng. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
3	Hạt điều nhân rang muối	Hạt điều nhân (loại 1), rang muối, giòn, thơm đặc trưng, không ẩm mốc, không tạp chất. - Hạt nguyên, màu vàng sáng, không bị cháy đen, không vỡ vụn quá 10%. - Độ ẩm $\leq 5\%$, muối vừa ăn, không lẫn vỏ cứng. - Đạt tiêu chuẩn VSATTP, có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm. - Bao gói kín, trọng lượng tịnh 500g – 1kg/túi hoặc đóng gói theo quy cách 5kg/thùng. - Có nhãn mác rõ ràng: tên sản phẩm, thương hiệu, nơi sản xuất, ngày sản xuất – hạn sử dụng.
4	Hạt hướng dương	Hạt hướng dương đã rang sẵn. Hàng mới. Chính hãng. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.

STT	Nhóm Bánh ngọt, hạt, mứt các loại	Yêu cầu về kỹ thuật
5	Mứt dừa non	Chính hãng, còn hạn sử dụng. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
6	Mứt gừng	Chính hãng, còn hạn sử dụng. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
7	Mứt me	Chính hãng, còn hạn sử dụng. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.

STT	Nhóm Các sản phẩm chế biến từ cá, hải sản, động vật lưỡng cư	Yêu cầu về kỹ thuật
1	Cá bạc má hấp	Khoảng 3 con/giò (450gr - 500gr). Mới, không hư, không đông lạnh. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
2	Cá basa file cắt miếng tấm bột xù	Hàng mới, 40 miếng/kg. Không ươn, không hư thối. Nhà sản xuất có giấy ATVSTP, còn tối thiểu 1/3 hạn sử dụng. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng. Hạn sử dụng 30 ngày.
3	Cá basa làm sạch	01 - 1,2 kg/con. Làm sạch, cắt khúc theo yêu cầu, cá tươi, không đông lạnh, không rửa đông. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng.
4	Cá bông lau làm sạch	0,8 - 1,5 kg/con. Làm sạch, cắt khúc theo yêu cầu, cá tươi, không đông lạnh, không rửa đông. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng.
5	Cá bớp làm sạch	Làm sạch, cắt khúc theo yêu cầu, cá tươi, không đông lạnh, không rửa đông. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng. Loại 3-5kg/con
6	Cá cam làm sạch	Làm sạch, cắt khúc theo yêu cầu, cá tươi, không đông lạnh, không rửa đông. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng. Loại 1,2-1,3kg/con + Có Giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm, có giấy thông tin nguồn gốc sản phẩm.

STT	Nhóm Các sản phẩm chế biến từ cá, hải sản, động vật lưỡng cư	Yêu cầu về kỹ thuật
7	Cá dìa làm sạch	Quy cách 5-6 con/kg. Mới giết mổ, không ươn, không hư thối, không đông lạnh. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
8	Cá điêu hồng làm sạch	Làm sạch, cắt khúc theo yêu cầu, cá tươi, không đông lạnh, không rã đông. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng. Loại 0,8-1,2kg/con
9	Cá hú làm sạch	Làm sạch, cắt khúc theo yêu cầu, quy cách 0,8 - 1,2 con/kg. Mới giết mổ, không ươn, không hư thối, không đông lạnh. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
10	Cá hường làm sạch	05 -06con/kg. Làm sạch, cá tươi, mới giết mổ, không ươn, không hư thối, không đông lạnh. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
11	Cá kèo làm sạch	Loại 25-35 con/kg. Làm sạch, cá tươi, không đông lạnh, không rã đông. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng.
12	Cá lăng làm sạch	Mới giết mổ, không ươn, không hư thối, không đông lạnh. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
13	Cá lóc đen làm sạch	0,8 - 1,2 kg/con. Làm sạch, cắt khúc theo yêu cầu, cá tươi, không đông lạnh, không rã đông. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng. Đóng vỉ và có màng bọc thực phẩm.
14	Cá nưôi làm sạch	Làm sạch, cắt khúc theo yêu cầu, cá tươi, không đông lạnh, không rã đông. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng. Loại 1,1-1,2kg/con + Có Giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm, có giấy thông tin nguồn gốc sản phẩm.
15	Cá nục làm sạch	Quy cách 5-6 con/kg, hàng tươi, làm sạch, cắt khúc theo yêu cầu, mới giết mổ, không ươn, không hư thối, không đông lạnh. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.

STT	Nhóm Các sản phẩm chế biến từ cá, hải sản, động vật lưỡng cư	Yêu cầu về kỹ thuật
16	Cá thát lát (nạo sẵn)	Không ươn, không hư thối, không đông lạnh. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
17	Cá trê	02 - 03 con/kg. Làm sạch, cá tươi, không đông lạnh, không rửa đông. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng.
18	Cá viên	Hàng mới 18 ÷ 20 viên/kg, dai ngon. Nhà sản xuất có giấy ATVSTP, còn tối thiểu 1/3 hạn sử dụng. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng
19	Cá viên sốt mayonaise	Hàng mới 70 viên/kg, dai ngon. Nhà sản xuất có giấy ATVSTP, còn tối thiểu 1/3 hạn sử dụng. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng
20	Cá viên tẩm cốm xanh	Hàng mới 70 viên/kg, dai ngon. Nhà sản xuất có giấy ATVSTP, còn tối thiểu 1/3 hạn sử dụng. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng
21	Cá viên trứng cút	Hàng mới 32 viên/kg, dai ngon. Nhà sản xuất có giấy ATVSTP, còn tối thiểu 1/3 hạn sử dụng. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng
22	Chả cá tươi (Sống) (ngon)	Tươi ngon, Nhà sản xuất có giấy ATVSTP, hạn sử dụng 7 ngày. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng
23	Chả cá tươi hấp (ngon)	Dai ngon, Nhà sản xuất có giấy ATVSTP, còn tối thiểu 1/3 hạn sử dụng. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng
24	Chả cá ngon (chiên nóng)	Dai ngon, Nhà sản xuất có giấy ATVSTP, còn tối thiểu 1/3 hạn sử dụng. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng
25	Chả giò rế	Hàng mới. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng 500 gr/gói
26	Chạo cá sả	Hàng mới, 32 cây/kg. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng 500 gr/gói
27	Cua đồng xay	Tươi, đóng gói 01 kg/gói; có dán tem, nhãn. Nhà sản xuất có giấy ATVSTP. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng
28	Đậu hũ cá	Hàng mới 36 viên/kg, thơm ngon. Nhà sản xuất có giấy ATVSTP, còn tối thiểu 1/3 hạn sử dụng. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng.
29	Đậu hũ cá phô mai	Hàng mới 54 viên/kg, thơm ngon. Nhà sản xuất có giấy ATVSTP, còn tối thiểu 1/3 hạn sử dụng. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng.

STT	Nhóm Các sản phẩm chế biến từ cá, hải sản, động vật lưỡng cư	Yêu cầu về kỹ thuật
30	Ếch nguyên con làm sạch	3-4 con/kg, làm sạch bỏ đầu lòng. Không ươn, không hư thối, không đông lạnh. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
31	Khô cá đủ một nắng	Quy cách 0,5-1 kg/gói phơi khô, không ăm mốc, không chất bảo quản, không qua đông lạnh, đóng gói hút chân không bằng bao bì PP. + Có Giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm, có giấy thông tin nguồn gốc sản phẩm
32	Khô tra lát	1-3 kg/gói, Phơi khô, không ăm mốc, không chất bảo quản, không qua đông lạnh, đóng gói màng bọc thực phẩm sinh học PE hoặc hút chân không PA. Hàng hoá phải có tem, nhãn mác (hoặc có tài liệu tương đương) có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, thời gian đóng gói, thời hạn sử dụng đảm bảo truy xuất được nguồn gốc bằng điện thoại. + Có Giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm, có giấy thông tin nguồn gốc sản phẩm
33	Mực lá con vừa không đầu làm sạch	02 - 03 con/kg, hàng tươi, làm sạch, sơ chế theo yêu cầu, không đông lạnh, không rã đông. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng. Đóng vỉ và có màng bọc thực phẩm.
34	Mực nang làm sạch	Hàng tươi, size trung, sơ chế theo yêu cầu. Có tem, nhãn thể hiện rõ nguồn gốc xuất xứ sản phẩm
35	Mực ống con vừa làm sạch	Hàng tươi, size trung, sơ chế theo yêu cầu. Có tem, nhãn thể hiện rõ nguồn gốc xuất xứ sản phẩm
36	Ruốc khô lớn	Quy cách 3-4 kg/bao, phơi khô, không ăm mốc, không chất bảo quản, không qua đông lạnh, đóng gói hút chân không bằng bao bì PP, có giấy thông tin nguồn gốc sản phẩm. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
37	Tôm khô thường	Đóng bao, thơm ngon không ăm mốc, Có tem, nhãn thể hiện rõ nguồn gốc xuất xứ sản phẩm. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
38	Tôm lớn	Hàng tươi, khoảng 20 ÷ 30 con/kg, sơ chế theo yêu cầu. Có tem, nhãn thể hiện rõ nguồn gốc xuất xứ sản phẩm. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
39	Tôm vừa	Hàng tươi, khoảng 60 ÷ 70 con/kg, sơ chế theo yêu cầu. Có tem, nhãn thể hiện rõ nguồn gốc xuất xứ sản phẩm
40	Tôm viên	Hàng mới 100 (hoặc 160) viên/kg, dai ngon. Nhà sản xuất có giấy ATVSTP, còn tối thiểu 1/3 hạn sử dụng. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng

STT	Nhóm Thịt heo các sản phẩm từ thịt heo	Yêu cầu về kỹ thuật
1	Chả lụa heo	Hàng mới. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng 500 gr/gói
2	Chả quế ngon (chiên)	Hàng mới. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng 500 gr/gói
3	Chạo thịt mía	Hàng mới, 40 cây/kg. Nhà sản xuất có giấy ATVSTP, còn tối thiểu 1/3 hạn sử dụng. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng. Hạn sử dụng 30 ngày.
4	Giò heo	Hàng tươi mới, cắt khúc khoảng 03 ÷ 04 cm. Không đông lạnh, Nhà sản xuất có giấy ATVSTP. Thịt có màu đỏ tươi, bề mặt khô, không dính lông và tạp chất. Thời điểm giết mổ: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền được kiểm tra và đóng dấu kiểm soát giết mổ. Đóng gói trong bao bì hút chân không. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng từng túi.
5	Giò lụa ngon không hàn the	Tươi, không đông lạnh, còn hạn sử dụng. Mới hấp nóng, không hàn the. Thời điểm sản xuất: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
6	Giò sống (mộc) ngon	Tươi, không đông lạnh, còn hạn sử dụng, không hàn the. Thời điểm sản xuất: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
7	Heo quay	Mới quay trong ngày, da giòn thịt mềm. không hư. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng từng túi. Đảm bảo chất lượng.
8	Huyết heo	Hàng mới, không mùi lạ. Thời điểm sản xuất: Không quá 06 giờ cho đến khi giao hàng. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ
9	Lạp xưởng 500g	Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng từng túi 500g. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
10	Mộc heo viên	Hàng mới, 80 hoặc 100 viên/kg. Nhà sản xuất có giấy ATVSTP, còn tối thiểu 1/3 hạn sử dụng. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng. Hạn sử dụng 30 ngày.
11	Nem nướng	Đóng gói 10 cây/kg, hàng mới nướng nóng, không đông lạnh. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng
12	Sườn già heo	Hàng tươi mới, cắt khúc khoảng 03 ÷ 04 cm. Không đông lạnh, Nhà sản xuất có giấy ATVSTP. Thịt có màu đỏ tươi, bề mặt khô, ấn tay có mặt đàn hồi, không dính lông và tạp chất. Thời điểm giết mổ: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền được kiểm tra và đóng dấu kiểm soát giết mổ. Đóng gói trong bao bì hút chân không. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng từng túi.

STT	Nhóm Thịt heo các sản phẩm từ thịt heo	Yêu cầu về kỹ thuật
13	Sườn non heo	Hàng tươi mới, cắt khúc khoảng 03 ÷ 04 cm. Không đông lạnh, Nhà sản xuất có giấy ATVSTP. Thịt có màu đỏ tươi, bề mặt khô, ấn tay có mặt đàn hồi, không dính lông và tạp chất. Thời điểm giết mổ: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền được kiểm tra và đóng dấu kiểm soát giết mổ. Đóng gói trong bao bì hút chân không. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng từng túi.
14	Thịt ba rọi	Thịt tươi ra dây, dày 05 cm/ miếng. Thịt có màu đỏ tươi, bề mặt khô, ấn tay có mặt đàn hồi, không dính lông và tạp chất. Thời điểm giết mổ: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền được kiểm tra và đóng dấu kiểm soát giết mổ theo quy định. Nhà sản xuất có giấy ATVSTP. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng
15	Thịt cốt lết	Thịt tươi ra dây, dày 05 cm/ miếng. Thịt có màu đỏ tươi, bề mặt khô, ấn tay có mặt đàn hồi, không dính lông và tạp chất. Thời điểm giết mổ: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền được kiểm tra và đóng dấu kiểm soát
16	Thịt đùi gò	Thịt tươi ra dây, dày 05 cm/ miếng. Thịt có màu đỏ tươi, bề mặt khô, ấn tay có mặt đàn hồi, không dính lông và tạp chất. Thời điểm giết mổ: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền được kiểm tra và đóng dấu kiểm soát
17	Tai mũi heo	Hàng tươi mới. Không đông lạnh, Nhà sản xuất có giấy ATVSTP. Thịt tươi không dính lông và tạp chất. Thời điểm giết mổ: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền được kiểm tra và đóng dấu kiểm soát giết mổ. Đóng gói trong bao bì hút chân không. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng từng túi.
18	Thịt heo xay 70 nạc : 30 mỡ	Thịt xay 70% nạc và 30% mỡ heo. Thịt có màu đỏ tươi, bề mặt khô, ấn tay có mặt đàn hồi, không dính lông và tạp chất. Thời điểm giết mổ: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền được kiểm tra và đóng dấu kiểm soát
19	Thịt nạc vai	Thịt có màu đỏ tươi, bề mặt khô, ấn tay có mặt đàn hồi, không dính lông và tạp chất. Thời điểm giết mổ: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền được kiểm tra và đóng dấu kiểm soát giết mổ theo quy định. Nhà sản xuất có giấy ATVSTP. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng

STT	Nhóm Thịt heo các sản phẩm từ thịt heo	Yêu cầu về kỹ thuật
20	Xúc xích xông khói	Hàng mới 20 cây/kg, dai ngon. Nhà sản xuất có giấy ATVSTP, còn tối thiểu 1/3 hạn sử dụng. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng
21	Xúc xích xông khói nhân phô mai cây nhỏ	Hàng mới 40 cây/kg, dai ngon. Nhà sản xuất có giấy ATVSTP, còn tối thiểu 1/3 hạn sử dụng. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng
22	Xiêu mại thịt	Hàng mới 30 viên/kg, thơm ngon. Nhà sản xuất có giấy ATVSTP, còn tối thiểu 1/3 hạn sử dụng. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng. Hạn sử dụng 30 ngày
23	Xiêu mại rau củ	Hàng mới 40 viên/kg, thơm ngon. Nhà sản xuất có giấy ATVSTP, còn tối thiểu 1/3 hạn sử dụng. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng. Hạn sử dụng 30 ngày
24	Xúc xích hồ lô lập xương tươi	Hàng mới 80 viên/kg, thơm ngon. Nhà sản xuất có giấy ATVSTP, còn tối thiểu 1/3 hạn sử dụng. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng. Hạn sử dụng 30 ngày
25	Xúc Xích heo	Xúc xích vissan (hoặc tương đương) 40gr/cây. Chính hãng, còn hạn sử dụng. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
26	Xương đuôi heo	Hàng tươi mới, có thịt, không đông lạnh. Nhà sản xuất có giấy ATVSTP. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng
27	Xương ống heo	Hàng tươi mới, không đông lạnh. Nhà sản xuất có giấy ATVSTP. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng
28	Xương heo ngon	Hàng tươi mới, không đông lạnh. Nhà sản xuất có giấy ATVSTP. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng

STT	Nhóm Thịt bò, các sản phẩm từ thịt bò	Yêu cầu về kỹ thuật
1	Bò viên ngon	Hàng mới 18 ÷ 20 viên/kg, dai ngon. Nhà sản xuất có giấy ATVSTP, còn tối thiểu 1/3 hạn sử dụng. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng. Không phải hàng đông lạnh.

STT	Nhóm Thịt bò, các sản phẩm từ thịt bò	Yêu cầu về kỹ thuật
2	Chả bò	Có hút chân không dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng. Thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có giấy công bố sản phẩm. Quy cách: 1kg/cây
3	Giò bò ngon	Vissan (hoặc tương đương). Chính hãng, còn hạn sử dụng. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng. Đảm bảo chất lượng và ATVSTP.
4	Thịt bò - Nạm	Thịt tươi ra dây, dày 05 cm/ miếng. Thịt có màu đỏ tươi, bề mặt khô, ấn tay có mặt đàn hồi, không dính lông và tạp chất. Thời điểm giết mổ: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền được kiểm tra và đóng dấu kiểm soát
5	Thịt bò - Tái	Thịt tươi ra dây, dày 05 cm/ miếng. Thịt có màu đỏ tươi, bề mặt khô, ấn tay có mặt đàn hồi, không dính lông và tạp chất. Thời điểm giết mổ: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền được kiểm tra và đóng dấu kiểm soát
6	Xương bò	Hàng tươi mới, không đông lạnh. Nhà sản xuất có giấy ATVSTP. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng

STT	Nhóm Thịt gà, vịt chưa qua chế biến	Yêu cầu về kỹ thuật
1	Cánh gà	Thịt tươi, đàn hồi, không mùi lạ. Thời điểm giết mổ: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Nhà sản xuất có giấy ATVSTP. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng
2	Cánh gà - Khúc giữa	Thịt tươi, đàn hồi, không mùi lạ. Thời điểm giết mổ: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Nhà sản xuất có giấy ATVSTP. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng
3	Đùi gà công nghiệp góc tư	Thịt tươi, đàn hồi, không mùi lạ. Thời điểm giết mổ: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Nhà sản xuất có giấy ATVSTP. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng
4	Đùi tòi gà	Thịt tươi, đàn hồi, không mùi lạ. Thời điểm giết mổ: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Nhà sản xuất có giấy ATVSTP. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng

STT	Nhóm Thịt gà, vịt chưa qua chế biến	Yêu cầu về kỹ thuật
5	Gà ta làm sạch không lòng mề	1,5-2kg/con, nguyên con, không bị vết xước. Tươi, không đông lạnh, có giấy ATSVTP. Thời điểm giết mổ: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền được kiểm tra và đóng dấu kiểm soát giết mổ theo quy định. Đóng gói trong bao bì hút chân không. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng từng túi. Đảm bảo chất lượng.
6	Gà tam hoàng không lòng mề	2-2,5kg/con. Tươi, không đông lạnh, có giấy ATSVTP. Thời điểm giết mổ: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền được kiểm tra và đóng dấu kiểm soát giết mổ theo quy định. Đóng gói trong bao bì hút chân không. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng từng túi. Đảm bảo chất lượng.
7	Mề gà CN	Tươi, không đông lạnh, có giấy ATSVTP. Thời điểm giết mổ: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền được kiểm tra và đóng dấu kiểm soát giết mổ theo quy định. Đóng gói trong bao bì hút chân không. Có dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, và khối lượng từng túi. Đảm bảo chất lượng.
8	Ức gà file	Hàng tươi mới, không đông lạnh, không rã đông. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng. Đóng vỉ và có màng bọc thực phẩm.
9	Vịt xiêm làm sạch không lòng mề	1,5 - 03 kg/con, làm sạch, tươi sống, sơ chế theo yêu cầu, không đông lạnh. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng. Đóng vỉ và có màng bọc thực phẩm.
10	Xương ức gà	Thịt tươi, đàn hồi, không mùi lạ. Thời điểm giết mổ: Không quá 24 giờ cho đến khi giao hàng. Nhà sản xuất có giấy ATVSTP. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng

STT	Nhóm Trứng các loại	Yêu cầu về kỹ thuật
1	Trứng gà	Trứng mới, không hư, còn tối thiểu 1/3 hạn sử dụng (trọng lượng tối thiểu 60 gr/trứng). Không bị đập, vỡ. Nhà sản xuất có giấy ATVSTP. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng
2	Trứng lộn	Trứng mới, không hư, còn tối thiểu 1/3 hạn sử dụng (trọng lượng tối thiểu 60 đến 80 gr/trứng). Không bị đập, vỡ. Nhà sản xuất có giấy ATVSTP. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng
3	Trứng vịt	Trứng mới, không hư, còn tối thiểu 1/3 hạn sử dụng (trọng lượng tối thiểu 60 đến 80 gr/trứng). Không bị đập, vỡ. Nhà sản xuất có giấy ATVSTP. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng
4	Trứng cút	Trứng mới, không hư, còn tối thiểu 1/3 hạn sử dụng (trọng lượng tối thiểu 9 đến 10 gr/trứng). Không bị đập, vỡ. Nhà sản xuất có giấy ATVSTP. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng

Ghi chú: Bất kỳ thương hiệu, mã hiệu, danh từ riêng (nếu có) trong bảng yêu cầu kỹ thuật chỉ mang tính chất minh họa cho các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật khó mô tả, nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng “tương đương” hoặc “ưu việt” hơn hẳn so với yêu cầu tối thiểu. Nội hàm tương đương được quy định trong yêu cầu kỹ thuật được hiểu là:

- (1) Được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận tương đương tiêu chuẩn
- (2) Tương đương về chất lượng, nhiệt độ, độ ẩm.
- (3) Tương đương về tính chất cơ khí và thuộc tính vật lý của vật liệu.
- (4) Tương đương về tính năng cơ bản, độ tin cậy, phạm vi ứng dụng
- (5) Tương đương về công suất; hiệu suất, yêu cầu thông số đầu vào; danh mục, độ chính xác kết quả đầu ra

1.3. Yêu cầu về thời gian và khối lượng dự kiến

- Địa điểm giao hàng: Ấp 5, Xã Nhuận Đức, TP. Hồ Chí Minh

- Thời gian giao hàng:

+ Hàng hóa được cung cấp thành nhiều đợt liên tục trong thời gian 12 tháng, theo yêu cầu cụ thể của chủ đầu tư trong mỗi đợt;

+ Thời gian giao hàng: Từ 5h30 đến 6h00 hàng ngày (riêng ngày lễ, thời gian giao hàng trước 05 giờ 00 phút) sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư (bằng fax hoặc điện thoại trong trường hợp khẩn cấp). Riêng đối với hàng hóa trứng thau dùng đợt xuất bắt buộc giao hàng không quá 02 (hai) giờ. Nếu nhà thầu không cung ứng đủ hàng và đúng thời gian như quy định thì sẽ bị phạt theo quy định tại Hợp đồng đã ký kết với bên mua;

+ Trước khi giao hàng bên Chủ đầu tư sẽ thông báo khối lượng, chủng loại cụ thể của mỗi địa điểm để giao hàng theo thực tế nhu cầu.

1.4 Các yêu cầu khác

- Chứng từ: Nhà thầu phải cam kết cung cấp các tài liệu liên quan đến nguồn gốc, xuất xứ, chứng nhận chất lượng sản phẩm khi Chủ đầu tư yêu cầu;
- Nhà thầu cam kết khắc phục, đổi hàng mới khi sản phẩm có sai sót do lỗi của nhà thầu;
- Nhà thầu cam kết chịu toàn bộ chi phí vận chuyển, bốc xếp trong quá trình cung ứng hàng hóa, kiểm tra, nghiệm thu và giao nhận hàng;
- Nhà thầu cam kết xử lý, bồi thường thiệt hại và chịu toàn bộ chi phí để khắc phục hậu quả ngộ độc thực phẩm (nếu có) xảy ra nếu nguyên nhân là do lỗi của nhà thầu.

Mục 2. Bản vẽ: Không có

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

- Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: Theo quy định hiện hành.
- Bất cứ hàng hóa nào không đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của E-HSMT sẽ không được nghiệm thu.